

BIẾN ĐỘNG CÁC CHỈ SỐ

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG VÀ KHUYẾN NGHỊ 18/11/2020

Tổng quan thị trường	HSX	HNX
Giá trị đóng cửa	973,53	146,80
Thay đổi (%)	0,48%	0,15%
KLGD (triệu CP)	478,68	63,52
GTGD (tỷ VND)	10.026,00	1.033,00
Số CP tăng giá	239	74
Số Cp đứng giá	105	209
Số Cp giảm giá	174	70

Chỉ số tài chính	HSX	HNX
PB (lần)	2,12	1,20
PE (lần)	16,22	10,43
Hệ số Beta	1,01	0,85
ROE (%)	15,23%	15,57%
ROA (%)	6,19%	5,22%

Giao dịch thỏa thuận	HSX	HNX
Khối lượng (triệu CP)	32,48	04,38
GTGD (tỷ VNĐ)	1.167,65	111,27

Giao dịch NĐT NN	HOSE	HNX
Giá trị mua (tỷ VNĐ)	1.024,74	02,52
Giá trị bán (tỷ VNĐ)	565,57	18,35
GTGD ròng (tỷ VNĐ)	459,17	15,83
Tổng GTGD (tỷ VNĐ)	443,34	

Chỉ số HDTL	Đóng cửa	+/-
VN30-Index	937,67	03,02
VN30F2011	936,00	02,00
VN30F2012	944,00	04,70
VN30F2103	942,90	05,90
VN30F2106	942,00	03,20

Thị trường thế giới	Đóng cửa	(%)
DJI *	29.783,35	0,56%
S&P 500 *	3.609,53	0,48%
DAX *	13.133,47	0,04%
FTSE 100 *	6.365,33	0,87%
Nikkei 225	25.728,14	1,10%
Hang Seng	26.544,29	0,49%

* Các chỉ số lấy giá trị phiên liền trước

KHỐI NGOẠI BÈ CỦA CỰC GẮT

Diễn biến thị trường:

Đà hưng phấn của phiên giao dịch ngày hôm qua không giúp thị trường mở cửa phiên giao dịch ngày 18/11 trong sắc xanh bao phủ. Thay vào đó, thị trường khởi đầu phiên với sự điều chỉnh nhất định trên nhiều cổ phiếu lớn trước khi bên mua sớm lấy lại vị thế. Quãng thời gian còn lại của phiên giao dịch là sự rã rạc quyết liệt của bên bán và bên mua. Dù bên mua làm chủ cuộc chơi trong phần lớn thời gian, song thị trường đã không có ít lần lùi xuống dưới mốc tham chiếu. Kết thúc phiên giao dịch ngày 18/11, chỉ số VN-Index tăng thêm 4,63 điểm, dừng chân ở mốc 973,53 điểm.

Sắc xanh là màu sắc chủ đạo trong phiên hôm nay với 239 mã đóng cửa tăng giá, trong khi chỉ có 174 mã giảm giá trên sàn HSX. Chuỗi giao dịch thăng hoa của các cổ phiếu thép vẫn chưa dừng lại, hôm nay các cổ phiếu NKG, TLH, VIS, POM lại có thêm một phiên tăng trần, trong khi đó anh cả của ngành là HPG tăng 3,7%. Nhóm cổ phiếu chứng khoán cũng có một phiên giao dịch khá tích cực, với đà tăng trên hầu hết các cổ phiếu như SSI, HCM, VCI, VND, MBS... Ở nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn, đà tăng mạnh nhất trong phiên thuộc về GVR (+6,1%) và GAS (+6,0%). Ngược lại thì sự suy giảm của MSN (-2,5%), VHM (-1,3%) và VIC (-1,0%) là nguyên nhân kìm hãm đà tăng của VN-Index.

Trong phiên tăng điểm khá tích cực của VN-Index, dòng tiền đổ vào một cách ồ ạt giúp thanh khoản thị trường lại có thêm một phiên vượt mốc 10.000 tỷ. Giá trị giao dịch trên HSX hôm nay đạt 10,260 tỷ, tương ứng với 478,62 triệu cổ phiếu được mua bán. Không chỉ vậy, điểm sáng của phiên còn có sự đóng góp của giao dịch các nhà đầu tư nước ngoài. Hôm nay họ bất ngờ mua ròng tới 443,34 tỷ trên cả 2 sàn, ghi nhận phiên mua ròng mạnh nhất trong vòng hơn 2 tháng trở lại đây. Đóng góp lớn nhất thuộc về VIC với giá trị mua ròng 308,73 tỷ, tiếp theo là VNM (+101,41 tỷ) và VRE (+50,06 tỷ).

KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ:

Thị trường vừa có một phiên giao dịch tích cực xét trên nhiều yếu tố: điểm số, thanh khoản và giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài. Với sự đồng thuận của dòng tiền trong giai đoạn hiện tại, chúng tôi cho rằng VN-Index sẽ có thể kéo dài mạch tăng của mình trong giai đoạn tiếp theo và hướng tới mốc kháng cự 985 điểm. Những phiên điều chỉnh với thanh khoản thấp sẽ là một cơ hội tuyệt vời để nhà đầu tư có thể gia tăng tỷ trọng cổ phiếu cho danh mục đầu tư của mình.

DANH MỤC CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ :

Cổ phiếu	Giá mua	Giá bán	Lợi nhuận kỳ vọng	Giá đóng cửa	Giá cắt lỗ	Cập nhật
BSR	7.1	9	27%	7.3	6.5	Chờ khớp
SNZ	29.6	34.5	17%	30.4	27.2	Chờ khớp
GEX	20.4	25.8	26%	20.8	18.8	Chờ khớp
LHG	27.1	35	29%	28.1	24.9	Chờ khớp
NSC	72.6	80.5	11%	73.4	66.8	Chờ khớp
TIP	30.1	35	16%	31.1	27.7	Chờ khớp
MBS	11.3	14	24%	11.5	10.396	Chờ khớp

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CHUYÊN SÂU VNINDEX



Chỉ báo/Chỉ số	Chỉ báo ngắn hạn	Chỉ báo/Chỉ số	Chỉ báo Trung hạn
Stochastic	TÍCH CỰC	MACD	TÍCH CỰC
Volume	TÍCH CỰC	MA18	TÍCH CỰC
MA Ngắn hạn	TIÊU CỰC	MA65	TÍCH CỰC
Trend Ngắn hạn	TRUNG TÍNH	Trend Trung hạn	TÍCH CỰC

Kết luận: Quán tính của phiên tăng điểm hôm qua tiếp tục là lực đẩy giúp thị trường đóng cửa trong sắc xanh của phiên giao dịch ngày hôm nay. Mặc dù biên độ tăng điểm không còn bút phá như phiên trước, nhưng bù lại thanh khoản lại tăng lên đáng kể, phản ánh tâm lý tích cực của giới đầu tư.

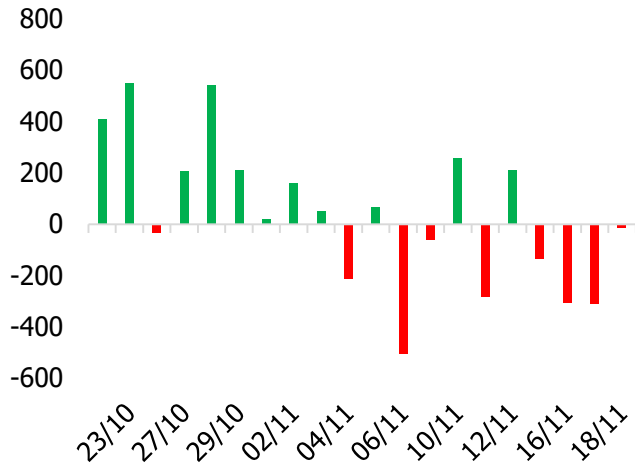
Phiên xanh điểm hôm nay đã giúp thị trường vượt qua mức đỉnh đã thiết lập hơn 2 tuần trước đó, mốc 970 điểm và đang tích lũy động lực để hướng tới mức kháng cự 985 điểm. Vì vậy chúng tôi tiếp tục duy trì quan điểm mở thêm vị thế mua và tăng thêm tỷ trọng CP ở những mã đang có lợi nhuận.

GIAO DỊCH NHÓM NHÀ ĐẦU TƯ VÀ CHỈ SỐ ĐỊNH GIÁ THỊ TRƯỜNG

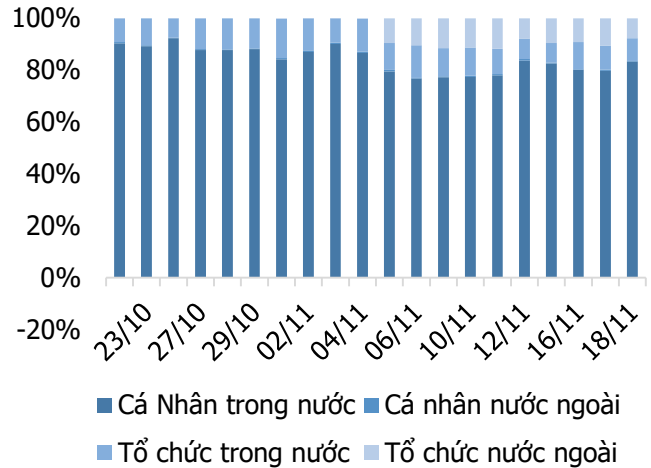
Giao dịch tự doanh ròng - Ngày

Giá trị giao dịch ròng của nhà đầu tư - Ngày

Giao dịch tự doanh ròng theo ngày



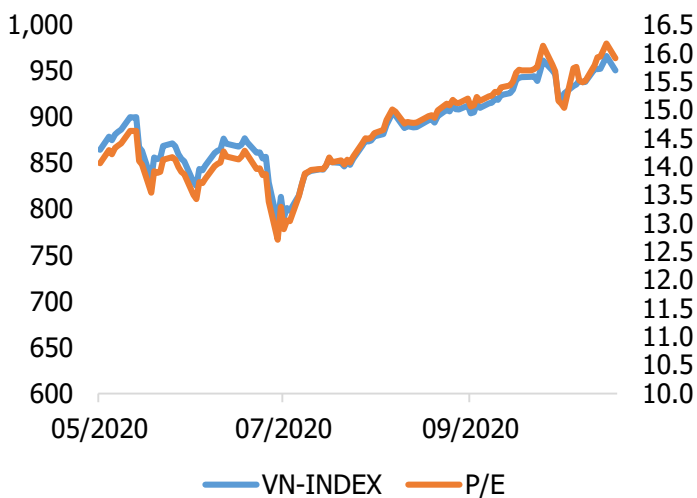
Giá trị Giao dịch theo NĐT-Ngày



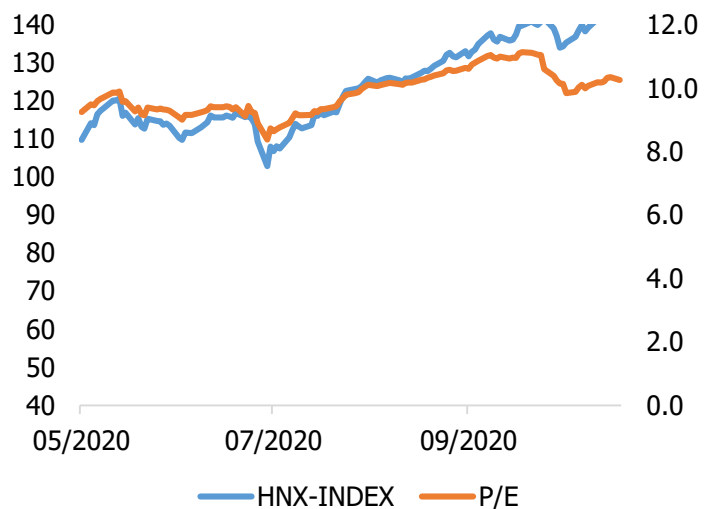
Vn-index – P/E lịch sử

Hn-index – P/E lịch sử

VNIndex - P/E lịch sử



HNXIndex - P/E lịch sử



TOP MUA TỰ DOANH

Top mua		
Mã CP	Giá	Giá trị (Tỷ đồng)
VHM	77,300	159.30
TCB	23,350	62.34
VNM	109,400	40.67
VPB	24,900	40.16
HPG	34,600	32.52

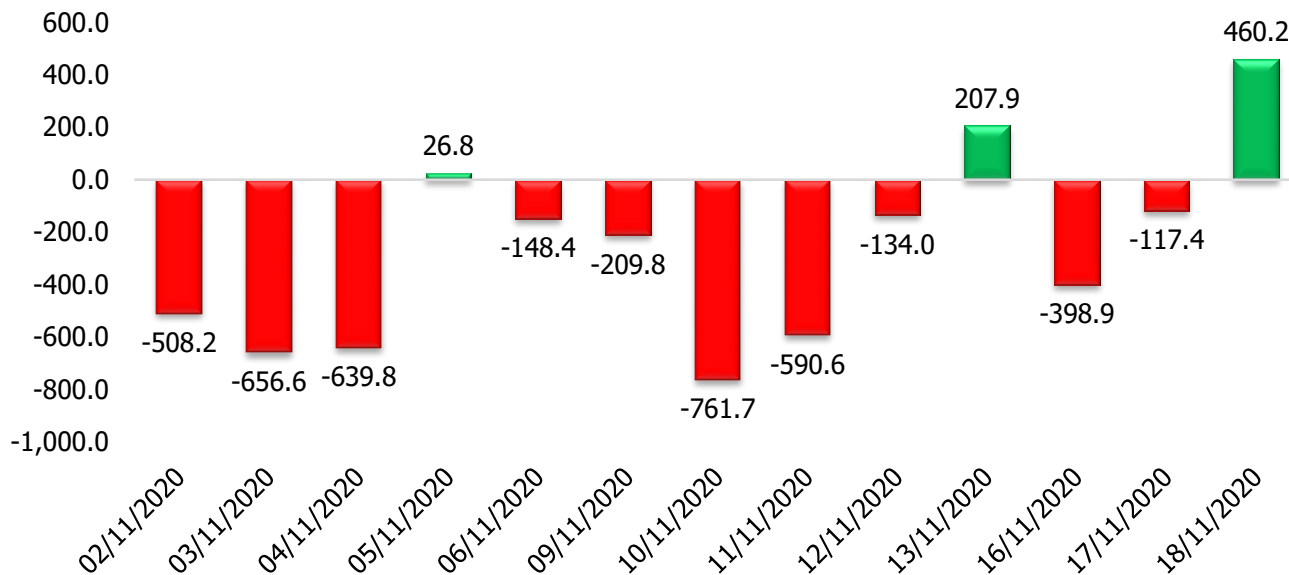
TOP BÁN TỰ DOANH

Top bán		
Mã CP	Giá	Giá trị (Tỷ đồng)
TCB	23,350	113.17
HPG	34,600	50.94
VNM	109,400	50.27
VIC	104,900	46.82
VPB	24,900	44.00

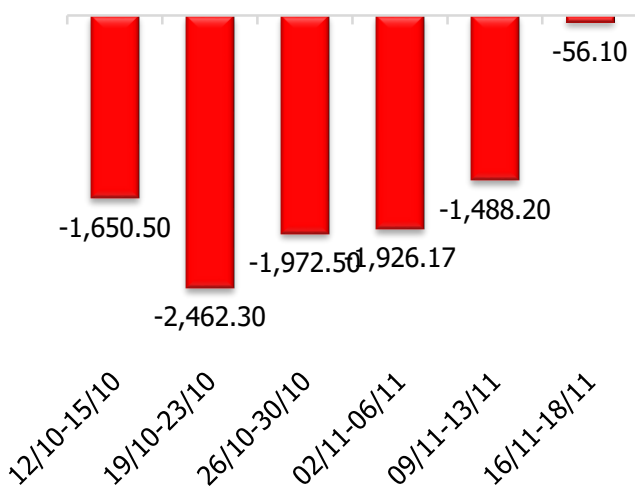
(Nguồn: Fiinpro, CSI tổng hợp và tính toán)

GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

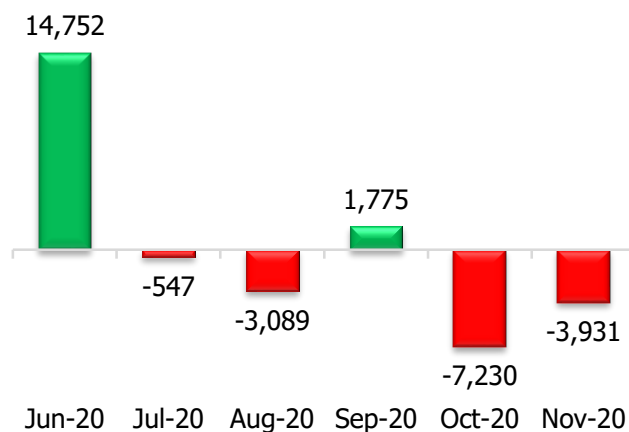
Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài 12 phiên gần nhất (tỷ VNĐ)



Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài 6 tuần gần nhất (tỷ VNĐ)



Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài 6 tháng gần nhất (tỷ VNĐ)



HOSE TOP MUA-BÁN RÒNG

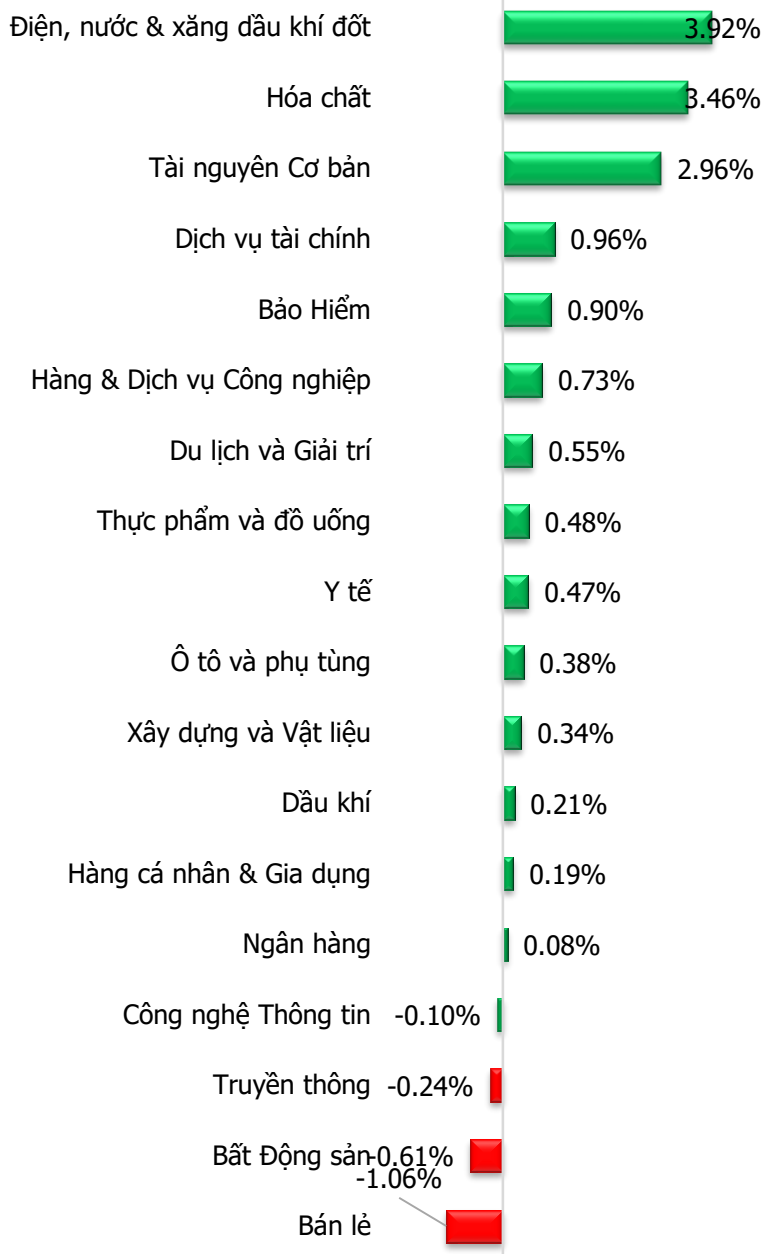
Top mua ròng		Top bán ròng	
Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)	Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)
VIC	309.26	HDB	88.17
VNM	101.32	VPB	47.91
VRE	50.04	STB	17.61
VCB	43.91	E1VFN30	16.76
MBB	41.09	POW	13.73

HNX TOP MUA-BÁN RÒNG

Top mua ròng		Top bán ròng	
Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)	Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)
AMV	0.41	TNG	8.32
BNA	0.33	DXG	2.09
EID	0.32	NHA	1.77
SRA	0.17	LHC	1.31
GIC	0.17	SHS	1.01

NHÓM NGÀNH

Biến động giá theo ngành



Giá trị giao dịch theo ngành (tỷ đồng)



(Nguồn: Fiiipro)

NHÓM CÁC CỔ PHIẾU CÓ GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

HOSE TOP TĂNG GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
PXS	6,420	420	7.00%	928,780
VIS	17,600	1,150	6.99%	6,410
POM	7,960	520	6.99%	46,170
CTS	8,420	550	6.99%	1,085,630
CVT	32,150	2,100	6.99%	467,490

HNX TOP TĂNG GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
ACM	900	100	12.50%	207,700
CTT	12,100	1,100	10.00%	1,000
NHA	14,300	1,300	10.00%	602,100
MKV	22,000	2,000	10.00%	100
GDW	22,100	2,000	9.95%	600

HOSE TOP GIẢM GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
HRC	36,850	-2,600	-6.59%	5,120
VAF	11,800	-850	-6.72%	90
SGT	5,580	-410	-6.84%	230
DTL	5,650	-420	-6.92%	80
L10	15,300	-1,150	-6.99%	10

HNX TOP GIẢM GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
L61	12,500	-1,300	-9.42%	200
PGT	3,700	-400	-9.76%	200
PPY	14,600	-1,600	-9.88%	1,200
PTS	6,300	-700	-10.00%	83,200
GLT	27,000	-3,000	-10.00%	600

HOSE TOP KHỐI LƯỢNG GD ĐỘT BIẾN

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
STB	14,200	350	2.53%	22,974,320
TCB	23,350	0	0.00%	22,760,740
HPG	34,600	1,250	3.75%	22,115,200
HBC	12,050	750	6.64%	17,441,730
GEX	20,800	900	4.52%	15,541,890

HNX TOP KHỐI LƯỢNG GD ĐỘT BIẾN

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
SHS	14,300	500	3.62%	9,539,300
VIX	15,700	200	1.29%	3,338,100
NVB	8,600	0	0.00%	2,617,900
VCG	41,300	-300	-0.72%	2,021,800
MST	5,100	400	8.51%	1,836,700

HOSE TOP GIÁ TRỊ GD NHIỀU NHẤT

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
STB	14,200	350	2.53%	22,974,320
TCB	23,350	0	0.00%	22,760,740
HPG	34,600	1,250	3.75%	22,115,200
HBC	12,050	750	6.64%	17,441,730
GEX	20,800	900	4.52%	15,541,890

HNX TOP GIÁ TRỊ GD NHIỀU NHẤT

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
SHS	14,300	500	3.62%	9,539,300
ACB	27,200	0	0.00%	7,919,600
PVS	15,700	100	0.64%	7,241,600
VIX	15,700	200	1.29%	3,338,100
SHB	17,300	0	0.00%	3,214,800

(Nguồn: Fiinpro, CSI tổng hợp và tính toán)

DANH MỤC VN30:

STT	Mã CP	Vốn hóa	Giá trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDBQ 6T	Giá hiện tại	Tăng/giảm 12T
		tỷ vnd	vnd	vnd	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnd	%
1	BID	162,087	19,454	2,133	0.7%	16.2%	18.89	2.07	1,410,915	40,050	-4.05%
2	TCH	6,624	14,256	2,792	7.8%	8.7%	6.72	1.32	5,197,180	18,850	-25.03%
3	CTG	121,011	22,225	2,948	0.7%	11.9%	11.02	1.46	6,671,034	32,750	49.77%
4	KDH	13,635	13,859	2,084	5.5%	8.5%	11.71	1.76	1,076,626	24,600	-0.18%
5	PLX	58,991	16,761	847	5.8%	16.2%	57.14	2.89	984,004	48,400	-13.25%
6	EIB	21,269	13,500	695	0.9%	8.6%	24.88	1.28	3,209,274	17,200	-8.22%
7	FPT	42,331	19,215	4,234	11.7%	23.0%	12.76	2.81	2,028,332	54,000	10.26%
8	GAS	144,503	24,419	4,774	17.5%	25.7%	15.82	3.09	713,930	80,000	-26.67%
9	POW	23,302	12,023	671	4.1%	9.5%	14.84	0.83	4,649,325	9,730	-26.02%
10	HDB	32,271	17,494	3,425	1.4%	18.6%	7.50	1.47	1,680,190	25,650	17.85%
11	HPG	110,498	16,539	3,235	16.4%	26.8%	10.31	2.02	14,343,513	34,600	79.98%
12	MBB	54,215	16,638	2,994	1.4%	14.9%	6.53	1.17	6,632,120	19,650	-1.18%
13	MSN	99,848	17,503	2,066	8.9%	26.1%	41.14	4.86	2,282,649	82,900	14.09%
14	MWG	50,692	33,611	8,519	12.2%	41.3%	13.15	3.33	1,060,929	110,600	-4.16%
15	NVL	60,917	25,638	5,862	3.7%	13.6%	10.54	2.41	2,082,402	61,500	5.64%
16	PNJ	16,659	21,780	4,570	18.8%	28.3%	16.19	3.40	966,264	73,500	-11.36%
17	REE	13,689	34,992	4,599	11.6%	19.1%	9.60	1.26	508,871	43,900	24.86%
18	ROS	1,260	10,382	-84	7.6%	14.0%	-26.35	0.21	11,968,422	2,220	-91.08%
19	SAB	116,841	30,884	6,652	21.4%	29.3%	27.39	5.90	385,947	183,600	-26.35%
20	SBT	9,642	12,375	686	3.0%	8.0%	23.11	1.28	3,708,706	16,200	-12.96%
21	SSI	10,967	15,697	1,836	6.6%	14.4%	9.94	1.16	5,562,839	18,400	6.72%
22	STB	24,981	15,637	1,318	0.4%	6.3%	10.51	0.89	13,912,759	14,200	29.44%
23	TCB	81,728	20,043	3,257	3.1%	25.6%	7.17	1.17	9,746,568	23,350	-6.22%
24	VCB	324,898	25,204	4,631	1.2%	20.3%	18.92	3.48	1,114,470	87,600	-1.47%
25	VHM	257,569	22,770	6,762	0.0%	0.0%	11.58	3.44	4,951,545	77,300	-18.69%
26	VIC	358,538	24,271	2,509	1.6%	5.8%	42.25	4.37	909,966	104,900	-11.37%
27	VJC	59,194	26,687	-741	15.1%	45.4%	-152.57	4.23	494,326	113,500	-21.14%
28	VNM	224,846	14,044	5,319	28.5%	38.9%	20.23	7.66	1,557,116	109,400	8.96%
29	VPB	60,944	20,398	4,121	2.6%	24.1%	6.07	1.23	6,206,893	24,900	16.82%
30	VRE	61,807	12,466	1,002	5.6%	7.9%	27.15	2.18	3,599,065	27,500	-22.73%

(Nguồn: Fiiipro, CSI tổng hợp và tính toán)

LIÊN HỆ TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU CSI: csi.research@vncsi.com.vn

Người thực hiện: Lê Văn Thành

Chuyên viên phân tích bộ phận Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Email: thanhlv@vncsi.com.vn

Người thực hiện: Đỗ Thị Hường

Chuyên viên bộ phận Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Email: huongdt@vncsi.com.vn

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU CSI

Đỗ Bảo Ngọc

Phó Tổng giám đốc & Giám đốc trung tâm nghiên cứu

Email: ngocdb@vncsi.com.vn

Bộ phận Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Lưu Chí Kháng

Phó Phòng Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Email: khanglc@vncsi.com.vn

Lê Văn Thành

Chuyên viên phân tích bộ phận Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Email: thanhlv@vncsi.com.vn

Bộ phận Phân tích Ngành và Doanh nghiệp

Trần Vũ Phương Liên

Chuyên viên phân tích

Email: lientvp@vncsi.com.vn

Đỗ Thị Hường

Chuyên viên bộ phận Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Email: huongdt@vncsi.com.vn

Vũ Thùy Dương

Chuyên viên phân tích

Email: duongvt@vncsi.com.vn

Hệ Thống Khuyến Nghị: Hệ thống khuyến nghị của CTCP Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (CSI) được xây dựng dựa trên mức chênh lệch của giá mục tiêu 12 tháng và giá cổ phiếu trên thị trường tại thời điểm đánh giá,

Xếp hạng	Khi (giá mục tiêu – giá hiện tại)/giá hiện tại
MUA	$\geq 20\%$
KHẢ QUAN	Từ 10% đến 20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Từ -10% đến +10%
KÉM KHẢ QUAN	Từ -10% đến -20%
BÁN	$\leq -20\%$

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Bản quyền thuộc về Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (CSI), Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và CSI không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng, Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của CSI, Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào, Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của CSI.

TRỤ SỞ CSI

Tầng 11 Tòa Nhà Diamond Flower, số 48 Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

ĐT: + 84 24 3926 0099 Website: <https://www.vncsi.com.vn>